

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2025/HS-PT

Ngày: 16-12-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Thường

Ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương - Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm
Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng

*- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham
gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Toà phúc thẩm Toà án nhân dân
tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến. Điểm cầu trung tâm
là Trụ sở Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và điểm cầu
thành phần là Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị đối với vụ án hình sự thụ
lý số 220/2025/TLPT-HS ngày 23/10/2025 đối với bị cáo Nguyễn Như N về
tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số
104/2025/HS-ST ngày 18-9-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị. Theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2025/QĐXXPT-HS ngày 28/11/2025.

1. Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Như N, sinh ngày 16/5/1989 tại tỉnh Thái Bình (nay
là tỉnh Hưng Yên); nơi ĐKKHTT và chỗ ở: thôn L, xã Đ, thành phố T, tỉnh
Thái Bình (nay là thôn L, xã N, tỉnh Hưng Yên); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc:
Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp:
Kinh doanh; con ông Nguyễn Văn C và con bà Vũ Thị H; có vợ tên là Vũ Thị
C1 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2013 và con nhỏ sinh năm 2016; tiền
án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/9/2024, có mặt tại phiên tòa.

2. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Như N: Luật sư Nguyễn Văn H1 - Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: G N, phường Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên tòa.

3. Bị hại:

3.1. Ông Đinh Công H2, sinh năm 1987; địa chỉ: số B G, phường B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3.2. Ông Trần Duy P, sinh năm 1984; địa chỉ: số G T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Bùi Thị D, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn Đ, phường Á, tỉnh Lào Cai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2021, Nguyễn Như N, sinh ngày 16/5/1989; trú tại: thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (nay là xã N, tỉnh Hưng Yên) và Bùi Thị D, sinh ngày 27/7/1989; trú tại: thôn Đ, xã Á, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là phường Á, tỉnh Lào Cai) có tình cảm quan hệ nam nữ, cùng nhau đến thuê nhà và sinh sống tại số C V, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội (nay là phường T, Thành phố Hà Nội). Trong quá trình sinh sống cùng nhau, Nguyễn Như N nhờ Bùi Thị D cùng đứng tên thành lập Công ty và được D đồng ý.

Nguyễn Như N làm thủ tục thành lập Công ty TNHH N1 và được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp A1; đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2021, địa chỉ: số C Đường V, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội với ngành nghề kinh doanh gồm: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít... Thành viên góp vốn gồm: Bùi Thị D 52%, Nguyễn Như N 48%. Người đại diện theo pháp luật là bà Bùi Thị D, sinh năm 1989, chức danh Tổng Giám đốc.

Sau khi thành lập Công ty, Nguyễn Như N và Bùi Thị D không góp vốn điều lệ, không có tài sản, không có kho, xưởng để sản xuất hàng hóa, không nhập hàng hóa về để hoạt động kinh doanh. Quá trình hoạt động của Công ty đều do Nguyễn Như N trực tiếp điều hành quản lý cả con dấu và tài khoản, còn Bùi Thị D chỉ đứng tên không tham gia. Đầu năm 2022, Nguyễn Như N lấy danh nghĩa Phó Tổng Giám đốc thuê Văn phòng tại số A L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị) tiếp cận và đưa ra thông tin về Công ty TNHH N1 là đơn vị phân phối sơn, thiết bị vệ sinh, muốn mở rộng thị

trường liên kết với các cá nhân làm Nhà phân phối, Đại lý tại tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị) với nhiều chính sách ưu đãi, lợi nhuận cao để lôi kéo người dân tham gia ký kết Hợp đồng hợp tác làm ăn với Công ty. Tin tưởng vào thông tin do Nguyễn Như N đưa ra, nhiều người đã tham gia ký kết Hợp đồng và chuyển tiền cho Nguyễn Như N. Sau khi nhận được tiền, Nguyễn Như N không thực hiện các cam kết theo hợp đồng, cắt đứt liên lạc và chi tiêu cá nhân số tiền chiếm đoạt dẫn đến không có khả năng chi trả, bỏ trốn khỏi địa phương bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q (nay là tỉnh Quảng Trị) khởi tố và ra Lệnh truy nã, đến ngày 09/9/2024 Nguyễn Như N đến đầu thú tại Cơ quan Công an. Với phương thức thủ đoạn nêu trên, Nguyễn Như N đã chiếm đoạt tiền của 09 bị hại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và các địa phương khác, cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Viết C2, sinh năm 1986; trú tại: số H L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị):

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, Nguyễn Viết C2 đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 005/HĐNT/2022-[NEWPOT] với Công ty TNHH N1 do Nguyễn Như N làm đại diện về việc thống nhất giao dịch, mua bán hàng hóa trong năm 2022 với gói hàng hóa là sơn có giá trị 60.000.000 đồng, gói thiết bị vệ sinh có giá trị 300.000.000 đồng trở thành Nhà phân phối “N”, thực hiện trưng bày, bán, phân phối các sản phẩm về thiết bị vệ sinh K và sơn cho Công ty TNHH N1. Tin tưởng nên ngày 25/02/2022 và 18/3/2022, Nguyễn Viết C2 đã sử dụng tài khoản số 9109198699999 Ngân hàng M2 mang tên Nguyễn Viết C2 nhiều lần chuyển với tổng số tiền 332.148.000 đồng vào tài khoản số 160527078888 Ngân hàng A2 mang tên Công ty TNHH N1 để thực hiện Hợp đồng.

Sau khi nhận tiền, Nguyễn Như N đã sơn, sửa cửa hàng, lắp đặt giá kệ, biển bảng hiệu và chuyển giao cho ông Nguyễn Viết C2 26 thùng hàng hóa thiết bị vệ sinh Kisto (giá trị tương đương 100.000.000 đồng). Qua kiểm tra nhận thấy hàng hóa bị lỗi nên ông Nguyễn Viết C2 không tiếp nhận mà yêu cầu hoàn trả, nhưng Nguyễn Như N không nhận lại hàng và chiếm đoạt số tiền còn lại 232.148.000 đồng chi tiêu cá nhân.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Phan Thị M, sinh năm 1985; trú tại: xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã H, tỉnh Quảng Trị):

Ngày 17/3/2022, Phan Thị M đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 001/HĐNT/2022-[NEWPOT-D.A] với Công ty TNHH N1 do Nguyễn Như N làm đại diện về việc thống nhất giao dịch, mua bán hàng hóa trong năm 2022 với gói hàng hóa là sơn có giá trị 60.000.000 đồng, trong đó thống nhất Phan

Thị M sẽ trở thành đại lý của Công ty với tên “Phan Thị M”, thực hiện phân phối các sản phẩm sơn của Công ty TNHH N1. Nguyễn Như N cam kết Công ty TNHH N1 hỗ trợ vợ chồng bà Phan Thị M đứng tên vay số tiền 60.000.000 đồng tại Ngân hàng S. Sau khi vay được tiền, bà Phan Thị M đã sử dụng tài khoản số 3801205119147 Ngân hàng BIDV mang tên Phan Thị M chuyển số tiền 60.000.000 đồng vào tài khoản số 160527078888 Ngân hàng A2 mang tên Công ty TNHH N1 để đặt hàng và Nguyễn Như N đã chuyển sơn cho bà M theo thỏa thuận. Sau khi bán hết sơn, bà Phan Thị M chuyển số tiền 60.000.000 đồng vào tài khoản số 160527078888 Ngân hàng A2 mang tên Công ty TNHH N1 để tất toán khoản vay tại Ngân hàng S. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Như N chỉ thanh toán khoản vay của bà Phan Thị M tại Ngân hàng S với số tiền 12.000.000 đồng. Số tiền còn lại 48.000.000 đồng Nguyễn Như N chiếm đoạt chi tiêu cá nhân.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1979; trú tại: thôn I, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn I, xã P, tỉnh Quảng Trị):

Ngày 16/4/2022, bà Nguyễn Thị Q đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 124/HĐNT/2022-[NEWPOT] với Công ty TNHH N1 do Nguyễn Như N làm đại diện về việc thống nhất giao dịch, mua bán hàng hóa trong năm 2022 với gói hàng hóa thiết bị vệ sinh có giá trị 300.000.000 đồng, trở thành Nhà phân phối tên “*Thực Quyên*” hoạt động trưng bày, bán, phân phối các sản phẩm về thiết bị vệ sinh K và sơn cho Công ty TNHH N1. Tin tưởng nên cùng ngày bà Nguyễn Thị Q đã sử dụng tài khoản số 3801205119147 Ngân hàng A3 mang tên Nguyễn Văn Q1 chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản số 160527078888 Ngân hàng A2 mang tên Công ty TNHH N1 để đặt cọc với mục đích Công ty hỗ trợ sơn cửa hàng, lắp đặt biển bảng hiệu. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Như N không thực hiện các cam kết, cắt đứt liên lạc và chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng chi tiêu cá nhân.

4. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1982; trú tại: thôn I, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn I, xã P, tỉnh Quảng Trị):

Ngày 16/4/2022, ông Nguyễn Văn Q1 (em trai bà Nguyễn Thị Q) đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 125/HĐNT/2022-[NEWPOT] với Công ty TNHH N1 do Nguyễn Như N làm đại diện về việc thống nhất giao dịch, mua bán hàng hóa trong năm 2022 với gói hàng hóa là sơn có giá trị 60.000.000 đồng, cùng phối hợp với Nhà phân phối “*Thực Quyên*” trưng bày, bán, phân phối các sản phẩm về thiết bị vệ sinh K và sơn cho Công ty TNHH N1. Nguyễn Như N cam

kết bằng miệng Công ty TNHH N1 sẽ hỗ trợ Nguyễn Văn Q1 vay vốn tại Ngân hàng với số tiền 50.000.000 đồng để nộp về cho Công ty nhằm thực hiện hợp đồng và Nguyễn Văn Q1 phải nộp thêm 10.000.000 đồng để đủ số tiền của gói hàng hóa 60.000.000 đồng. Tin tưởng nên ông Nguyễn Văn Q1 đã giao cho Nguyễn Như N số tiền 10.000.000 đồng bằng tiền mặt. Sau khi, nhận tiền Nguyễn Như N không thực hiện cam kết và chiếm đoạt toàn bộ số tiền 10.000.000 đồng chi tiêu cá nhân.

5. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Đinh Công H2, sinh năm 1987; trú tại: số B G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk):

Khoảng tháng 9/2022, Nguyễn Như N vào tỉnh Đắk Lắk tuyển dụng ông Nguyễn Xuân H3, sinh năm 1975; trú tại: thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh tỉnh Đắk Lắk) làm nhân viên thị trường Công ty TNHH N1 tại khu vực T. Ngày 10/10/2022, thông qua Nguyễn Xuân H3, ông Đinh Công H2 được giới thiệu nhiều chương trình khuyến mãi ưu đãi trong việc hợp tác làm tổng kho phân phối cho Công ty TNHH N1 nên đã đồng ý hợp tác làm ăn.

Ngày 15/10/2022, Nguyễn Như N đã chuẩn bị sẵn Hợp đồng nguyên tắc số 130/HHĐNT/2022-NEWPOT ngày 15/10/2022, giả chữ ký của Bùi Thị D, đóng dấu Công ty TNHH N1 tại mục Đại diện bên A rồi giao cho bà Phạm Thị M1 (vợ ông Đinh Công H2) - Giám đốc Công ty TNHH N2 (mã số thuế 6001717545; địa chỉ: số B G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) ký tên và đóng dấu Công ty TNHH N2 vào Đại diện bên B.

Sau khi ký kết hợp đồng, Nguyễn Như N tự đưa ra nhiều chương trình hấp dẫn như tặng xe ô tô, xe mô tô khi đạt doanh thu khủng, tặng vé đi du lịch nước ngoài.... Ngoài ra, Nguyễn Như N làm thủ tục thành lập Công ty Cổ phần T2 và được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp A4; đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2023, địa chỉ: số B Q, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội); với nhiều ngành nghề kinh doanh. Vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng. Thành viên góp vốn gồm: Nguyễn Như N 60%, Bùi Minh Đ 20%, Đinh Công H2 20%. Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Như N, chức danh Tổng Giám đốc, rồi truyền đạt cho Đinh Công H2 biết thông tin chuẩn bị sáp nhập Công ty TNHH N1 và Công ty Cổ phần T2 để bán cổ phần. Tin tưởng nên từ ngày 10/10/2022 đến ngày 07/01/2023, vợ chồng ông Đinh Công H2, bà Phạm Thị M1 đã sử dụng tài khoản số 63610000080556 Ngân hàng B, tài khoản số 0819079279 Ngân hàng S1, tài khoản số 3337979796868 Ngân hàng V đều mang tên Đinh Công H2; tài khoản số

0943402627 Ngân hàng M2, tài khoản số 050047391978 Ngân hàng S1 đều mang tên Phạm Thị M1 và tài khoản số 410704060212553 Ngân hàng N3 mang tên Đào Văn H4 nhiều lần chuyển với tổng số tiền 1.108.156.000 đồng đến các tài khoản Ngân hàng do Nguyễn Như N quản lý (tài khoản số 47110001295510 Ngân hàng B, tài khoản số 19037708782019 Ngân hàng T3 đều mang tên Nguyễn Như N và tài khoản số 036160579 Ngân hàng M2 mang tên Công ty Cổ phần T2). Sau khi nhận tiền, Nguyễn Như N đã giao cho vợ chồng ông Đinh Công H2 một số thiết bị vệ sinh và 200 thùng sơn với tổng trị giá 215.049.430 đồng. Sau đó, Nguyễn Như N không thực hiện cam kết và chiếm đoạt số tiền còn lại 893.106.570 đồng chi tiêu cá nhân.

6. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1983; trú tại: thôn C, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk):

Khoảng tháng 02/2023, ông Nguyễn Văn A được ông Đinh Công H2 giới thiệu nhiều chương trình khuyến mãi ưu đãi trong việc phân phối sơn nước hiệu Newpot cho Công ty TNHH N1. Tin tưởng vào chương trình khuyến mãi ưu đãi mua sơn trị giá 120.000.000 đồng được hưởng khuyến mãi thiết bị vệ sinh trị giá 90.000.000 đồng do Công ty TNHH N1 đưa ra, nên ngày 17/02/2023 ông Nguyễn Văn A đã sử dụng tài khoản số 050062883445 Ngân hàng S1 mang tên Nguyễn Văn A chuyển tổng số tiền 120.000.000 đồng đến tài khoản số 47110001295510 Ngân hàng B mang tên Nguyễn Như N. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Như N không thực hiện cam kết và chiếm đoạt toàn bộ số tiền 120.000.000 đồng chi tiêu cá nhân.

7. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Dương Thị Mỹ L, sinh năm 1986; trú tại: Buôn C, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã D, tỉnh Đắk Lắk):

Đầu tháng 02/2023, bà Dương Thị Mỹ L1 được ông Đinh Công H2 giới thiệu nhiều chương trình khuyến mãi ưu đãi trong việc phân phối hàng hóa cho Công ty TNHH N1. Ngày 20/02/2023, bà Dương Thị Mỹ L1 đại diện Nhà phân phối Đức T1 có địa chỉ tại: thôn D, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 130/HHĐNT/2023-[NEWPOT] với Công ty TNHH N1 do Nguyễn Như N làm đại diện với nội dung mua bán hàng hóa.

Tin tưởng vào những chính sách ưu đãi do Công ty TNHH N1 đưa ra, nên từ ngày 17/02/2023 đến ngày 25/02/2023, bà Dương Thị Mỹ L1 đã sử dụng tài khoản số 113975137 Ngân hàng V mang tên Dương Thị Mỹ L1 nhiều lần chuyển với tổng số tiền 301.810.000 đồng đến tài khoản số 47110001295510 Ngân hàng B mang tên Nguyễn Như N. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Như N không thực hiện cam kết và chiếm đoạt toàn bộ số tiền 301.810.000 đồng chi tiêu cá nhân.

8. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Trần D1, sinh năm 1984; trú tại: TDP H, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường E, tỉnh Đắk Lắk):

Khoảng đầu tháng 3/2023, ông Nguyễn Trần D1 được ông Đinh Công H2 giới thiệu nhiều chương trình khuyến mãi ưu đãi trong việc phân phối sơn nước hiệu Newpot cho Công ty Cổ phần T2 do Nguyễn Như N làm Tổng Giám đốc. Tin tưởng vào chương trình khuyến mãi ưu đãi mua sơn được tặng xe ô tô Mitsubishi Triton trị giá 650.000.000 đồng, nên ngày 03/4/2023 ông Nguyễn Trần D1 đã sử dụng tài khoản số 0231000503802 Ngân hàng V1 mang tên Nguyễn Trần Duy C3 tổng số tiền 20.000.000 đồng đến tài khoản số 036160579 Ngân hàng M2 mang tên Công ty Cổ phần T2 để ký hợp đồng. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Như N không thực hiện ký hợp đồng và chiếm đoạt toàn bộ số tiền 20.000.000 đồng chi tiêu cá nhân.

9. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Trần Duy P, sinh năm 1984; trú tại: số G T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng):

Ngày 02/5/2023, ông Trần Duy P đã ký kết Hợp đồng hợp tác số 010/HDDA/2023-[SHOWROOM] với Công ty Cổ phần T2 do Nguyễn Như N làm đại diện với nội dung mua bán hàng hóa trong năm 2023 với gói hàng hóa là sơn và thiết bị vệ sinh có giá trị 300.000.000 đồng.

Tin tưởng vào những chính sách ưu đãi do Nguyễn Như N đưa ra, nên từ ngày 28/4/2023 đến ngày 28/6/2023, ông Trần Duy P đã sử dụng tài khoản số 102003986546 Ngân hàng V2 mang tên Trần Duy P nhiều lần chuyển với tổng số tiền 490.000.000 đồng đến tài khoản số 036160579 Ngân hàng M2 mang tên Công ty Cổ phần T2 và tài khoản số 19037708782019 Ngân hàng T3 mang tên Nguyễn Như N. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Như N không thực hiện cam kết và chiếm đoạt toàn bộ số tiền 490.000.000 đồng chi tiêu cá nhân.

Với nội dung như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2025/HS-ST ngày 18-9-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 46; Điều 47; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 586 Bộ luật Dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Nguyễn Như N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: xử phạt bị cáo Nguyễn Như N 14 (mười bốn) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 09/9/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Nguyễn Như N phải có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại tổng số tiền đã chiếm đoạt là 2.153.884.570 đồng; cụ thể như sau: bồi thường cho ông Nguyễn Viết C2 số tiền 232.148.000 đồng; bà Phan Thị M số tiền 48.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Q số tiền 100.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn Q1 số tiền 10.000.000 đồng; ông Đinh Công H2 số tiền 847.306.570 đồng; ông Nguyễn Văn A số tiền 120.000.000 đồng; bà Dương Thị Mỹ L số tiền 301.810.000 đồng; ông Nguyễn Văn A số tiền 20.000.000 đồng; ông Trần Duy P số tiền 474.620.000 đồng.

4. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bà Bùi Thị D trả lại cho ông Đinh Công H2 số tiền 45.800.000 đồng và ông Trần Duy P số tiền 12.000.000 đồng.

- Buộc ông Lê Viết Thanh H5 trả lại cho ông Trần Duy P số tiền 3.380.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 01/10/2025, bị cáo Nguyễn Như N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 02 và 06/10/2025, bị hại Đinh Công H2, Trần Duy P kháng cáo tăng hình phạt bị cáo và buộc bị cáo N cùng bà Bùi Thị D bồi thường tiền lãi Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Như N trình bày giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: kháng cáo của bị cáo Nguyễn Như N và của bị hại Đinh Công H2, Trần Duy P là trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Như N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 14 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Bùi Thị D và bị cáo N góp vốn thành lập Công ty, nhưng thực chất không góp vốn và không hoạt động. Bị cáo N quản lý, còn Bùi Thị D chỉ đứng tên trên danh nghĩa. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo N phải bồi thường cho bị hại là đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo, bị hại không cung cấp tài liệu chứng cứ mới.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày tranh tụng: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo ra đầu thú, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chưa bồi thường được, ông bà ngoại là người có công. Mức hình phạt 14 năm tù mà Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá cao, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo. Bị cáo thống nhất lời trình bày của Luật sư.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/10/2025 bị cáo Nguyễn Như N kháng cáo và ngày 02, 06/10/2025 bị hại Đinh Công H2, Trần Duy P kháng cáo. Như vậy, kháng cáo của bị cáo, bị hại là trong thời hạn quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên toà xét xử phúc thẩm 02 bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự và tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo bị cáo và của bị hại:

[2.1] Về hành vi phạm tội và điều luật áp dụng:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa phúc thẩm của bị cáo Nguyễn Như N có đủ cơ sở xác định: từ đầu năm 2022 đến giữa năm 2023, Nguyễn Như N bằng thủ đoạn đưa ra đưa ra thông tin gian dối lợi dụng danh nghĩa 02 Công ty do Nguyễn Như N thành lập để kêu gọi ký kết Hợp đồng hợp tác làm ăn với nhiều chương trình ưu đãi, nhưng thực tế 02 Công ty của Nguyễn Như N không hoạt động sản xuất kinh doanh. Từ đó, chiếm đoạt tài sản của các bị hại Nguyễn Viết C2, Phan thị M, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Văn Q1, Đinh Công H2, Nguyễn Văn A, Dương Thị Mỹ L, Nguyễn Trần D1, Trần Duy P với tổng số tiền 2.215.064.570 đồng. Như vậy, lời khai của bị cáo Nguyễn Như N phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định, Toà án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn Như N về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt:

Bị cáo Nguyễn Như N bị xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự có quy định mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định phân tích đánh giá về hành vi, tính chất, hậu quả của vụ án đầy đủ, khách quan, toàn diện. Từ đó, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ Luật Hình sự và xử phạt bị cáo Nguyễn Như N 14 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật và thoả đáng.

[2.3] Trong vụ án này chứng minh được, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Như N là độc lập, không liên quan đến bà Bùi Thị D. Hơn nữa, bà Bùi Thị D đứng tên là người đại diện Công ty TNHH N1 theo yêu cầu của N và bà D không biết, không tham gia bàn bạc, không hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị hại buộc bị cáo liên đới cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị D phải bồi thường tiền lãi suất Ngân hàng là không có căn cứ.

[3] Tại phiên toà xét xử phúc thẩm, bị cáo, bị hại không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Với những nội dung đã được phân tích, nhận định tại mục [1], [2] nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Như N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 351; điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Như N và của bị hại Đinh Công H2, Trần Duy P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 46; Điều 47; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 586 Bộ luật Dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

2.1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Nguyễn Như N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2.2. Về hình phạt: xử phạt bị cáo Nguyễn Như N 14 (mười bốn) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 09/9/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Nguyễn Như N phải có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại tổng số tiền đã chiếm đoạt là 2.153.884.570 đồng; cụ thể như sau: bồi thường cho ông Nguyễn Viết C2 số tiền 232.148.000 đồng; bà Phan Thị M số tiền 48.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Q số tiền 100.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn Q1 số tiền 10.000.000 đồng; ông Đinh Công H2 số tiền 847.306.570 đồng; ông Nguyễn Văn A số tiền 120.000.000 đồng; bà Dương Thị Mỹ L số tiền 301.810.000 đồng; ông Nguyễn Văn A số tiền 20.000.000 đồng; ông Trần Duy P số tiền 474.620.000 đồng.

4. Về biện pháp tư pháp:

Buộc bà Bùi Thị D trả lại cho ông Đinh Công H2 số tiền 45.800.000 đồng và ông Trần Duy P số tiền 12.000.000 đồng.

Buộc ông Lê Viết Thanh H5 trả lại cho ông Trần Duy P số tiền 3.380.000 đồng.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Như N phải chịu 200.000 đồng.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Thường Phạm Tồn

Trần Quốc Cường